

112 學年度新南向國際產學合作專班入取名單

序號	姓名	姓名(英文)	科系	學位
1	阮 O 孟	Nguyen * Manh	視光系	學士
2	范 OO 莊	Pham * * Trang	視光系	學士
3	黎 OO 銀	Le * * Ngan	視光系	學士
4	阮 O 名	Nguyen * Danh	視光系	學士
5	阮 O 慧	Nguyen * * Hue	視光系	學士
6	阮 OO 賢	Nguyen * * Hien	視光系	學士
7	阮 O 鶯	Nguyen * Oanh	視光系	學士
8	阮 O 花	Nguyen * Hoa	視光系	學士
9	阮 O 慧	Nguyen * Hue	視光系	學士
10	陳 OO 英	Tran * * Anh	視光系	學士
11	阮 OO 莊	Nguyen * * Trang	視光系	學士
12	武 O 黃	Vu * Hoang	視光系	學士
13	賴 OO 莊	Lai * * Trang	視光系	學士
14	趙 O 英	Trieu * Anh	視光系	學士
15	阮 O 綿	Nguyen * Mien	視光系	學士
16	阮 O 莊	Nguyen * Trang	視光系	學士
17	沙 O 緣	Sa * Duyen	視光系	學士
18	阮 O 懷	Nguyen * Hoai	視光系	學士

19	阮 OO 莊	Nguyen * * Trang	視光系	學士
20	鵬 OO 娥	Bang * * Nga	視光系	學士
21	微 OO 鳳	Vi * * Phuong	視光系	學士
22	李 O 德	Ly * Duc	視光系	學士
23	林 O 進	Lam * Tien	視光系	學士
24	阮 O 姜	Nguyen* Khuong	視光系	學士
25	李 OO 庄	Ly * * Trang	視光系	學士
26	阮 O 真	Nguyen *Chan	視光系	學士
27	丁 O 慶	Dinh * Khanh	食品科學系	學士
28	宋 OO 鈴	Tong * * Linh	食品科學系	學士
29	何 O 安	Ha * An	食品科學系	學士
30	何 OO 秀	Ha * * Tu	食品科學系	學士
31	謝 O 達	Ta * Dat	食品科學系	學士
32	阮 O 心	Nguyen * Tam	食品科學系	學士
33	阮 O 莊	Nguyen * Trang	食品科學系	學士
34	阮 O 映	Nguyen * Anh	食品科學系	學士
35	阮 O 英	Nguyen * Anh	食品科學系	學士
36	阮 O 預	Nguyen * Du	食品科學系	學士
37	阮 OO 垂	Nguyen * *Thuy	食品科學系	學士
38	阮 O 輝	Nguyen * Huy	食品科學系	學士
39	阮 O 玲	Nguyen * Linh	食品科學系	學士

40	阮 O 意	Nguyen* Y	食品科學系	學士
41	武 O 水	Vu * Thuy	食品科學系	學士
42	武 O 黃	Vu * Hoang	食品科學系	學士
43	胡 O 瀧	Ho * Sang	食品科學系	學士
44	范 O 峰	Pham * Phong	食品科學系	學士
45	桃 O 英	Dao * Anh	食品科學系	學士
46	陳 O 國	Tran * Quoc	食品科學系	學士
47	馮 OO 英	Phung * * Anh	食品科學系	學士
48	阮 O 任	Nguyen * Nham	食品科學系	學士
49	黎 O 紹	Le * Thieu	食品科學系	學士
50	黎 O 慶	Le * Khanh	食品科學系	學士
51	黎 OO 璿	Le * * Tuyen	食品科學系	學士
52	黎 OO 月	Le * * Nguyet	食品科學系	學士
53	黎 O 淵	Le * Uyen	食品科學系	學士
54	黎 OO 日	Le * * Nhat	食品科學系	學士
55	黎 OO 銀	Le * * Ngan	生物醫學工程系	學士
56	鄧 O 瓊	Dang * Quynh	生物醫學工程系	學士
57	黎 OO 瓊	Le * * Quynh	生物醫學工程系	學士
58	高 OO 嶺	Cao * * My	生物醫學工程系	學士
59	覃 OO 賢	Dam * * Hien	生物醫學工程系	學士
60	鄭 OO 玲	Trinh * * Linh	生物醫學工程系	學士

61	阮 ○ 斟	Nguyen * Cham	生物醫學工程系	學士
62	阮 ○ 勝	Nguyen * Thang	生物醫學工程系	學士
63	裴 ○ 緣	Bui * Duyen	生物醫學工程系	學士
64	阮 ○ 日	Nguyen * Nhat	生物醫學工程系	學士
65	阮 ○ 黃	Nguyen * Hoang	生物醫學工程系	學士
66	黃 ○ 草	Hoang * Thao	生物醫學工程系	學士
67	范 ○ 江	Pham * Giang	生物醫學工程系	學士
68	黎 ○ 龍	Le * Long	生物醫學工程系	學士
69	葉 ○ 大	Diep * Dai	生物醫學工程系	學士
70	河 ○ ○ 玄	Ha * * Huyen	生物醫學工程系	學士
71	豆 ○ 強	Dau * Cuong	生物醫學工程系	學士
72	裴 ○ 秀	Bui * Tu	生物醫學工程系	學士
73	馮 ○ 勇	Phung * Dung	生物醫學工程系	學士
74	阮 ○ ○ 緣	Nguyen * * Duyen	生物醫學工程系	學士
75	黎 ○ 蓮	Le * Lien	生物醫學工程系	學士
76	農 ○ 友	Nong * Huu	生物醫學工程系	學士
77	范 ○ 福	Pham * Phuc	生物醫學工程系	學士
78	潘 ○ 書	Phan * Thu	生物醫學工程系	學士
79	阮 ○ 決	Nguyen * Quyet	生物醫學工程系	學士
80	陳 ○ 順	Tran * Thuan	生物醫學工程系	學士
81	陳 ○ 孟	Tran * Manh	生物醫學工程系	學士

82	許 O 佰	Hua * Bah	生物醫學工程系	學士
83	樓 O 玲	Lau * Linh	生物醫學工程系	學士
84	阮 O 銀	Nguyen * Ngan	健康休閒管理系	學士
85	黎 OO 玲	Le * * Linh	健康休閒管理系	學士
86	裴 OO 瓊	Bui * * Quynh	健康休閒管理系	學士
87	阮 O 河	Nguyen * Ha	健康休閒管理系	學士
88	陳 O 專	Tran * Chuyen	健康休閒管理系	學士
89	潘 OO 後	Phan * * Hau	健康休閒管理系	學士
90	陳 OO 賢	Tran * * Hien	健康休閒管理系	學士
91	阮 O 香	Nguyen * Huong	健康休閒管理系	學士
92	陳 OO 青	Tran * * Thanh	健康休閒管理系	學士
93	阮 O 玄	Nguyen * Huyen	健康休閒管理系	學士
94	陳 O 中	Tran * Trung	健康休閒管理系	學士
95	阮 OO 玉	Nguyen * * Ngoc	健康休閒管理系	學士
96	潘 O 霜	Phan * Suong	健康休閒管理系	學士
97	武 OO 狀	Vu * * Trang	健康休閒管理系	學士
98	陳 O 妙	Tran * Diu	健康休閒管理系	學士
99	陳 O 雪	Tran * Tuyet	健康休閒管理系	學士
100	潘 OO 麗	Pham * * Le	健康休閒管理系	學士
101	范 O 姮	Pham * Hang	健康休閒管理系	學士
102	裴 OO 玄	Bui * * Huyen	健康休閒管理系	學士

103	馮 O 瓊	Phung * Quynh	健康休閒管理系	學士
104	黎 OO 川	Le * * Xuyen	健康休閒管理系	學士
105	阮 OO 兒	Nguyen * * Nhi	健康休閒管理系	學士
106	阮 O 幸	Nguyen * Hanh	健康休閒管理系	學士
107	阮 O 玲	Nguyen * Linh	健康休閒管理系	學士
108	鄭 O 南	Trinh * Nam	健康休閒管理系	學士
109	鄭 O 英	Trinh * Anh	健康休閒管理系	學士
110	武 O 心	Vu * Tam	健康休閒管理系	學士
111	阮 O 嫻	Nguyen * Trang	健康休閒管理系	學士
112	范 O 徵	Pham * Chinh	健康休閒管理系	學士
113	阮 O 勇	Nguyen * Dung	健康休閒管理系	學士
114	卞 O 科	Bien * Khoa	健康休閒管理系	學士
115	阮 O 眷	Nguyen * Quyen	健康休閒管理系	學士
116	陳 OO 草	Tran * * Thao	健康休閒管理系	學士
117	阮 O 強	Nguyen * Cuong	健康休閒管理系	學士
118	阮 OO 玲	Nguyen * * Linh	健康休閒管理系	學士
119	陶 O 娟	Dao * Quyen	健康休閒管理系	學士